

Bản án số: **68** /2022/DS-PT

Ngày: 20/9/2022.

V/v: *Tranh chấp di sản thừa kế*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Lý

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Quý Sửu và ông Nguyễn Văn Quế

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt -

Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên
tòa:** Bà Đỗ Thị Thu Thủy - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2021/TLPT- DS ngày 27/12/2021 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DSST ngày 17/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện V N, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 2 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lường Thị T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 16, Phường T Đ, thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên.

- Ủy quyền cho bà Lâm Thị T1, sinh năm 1960, có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố L L, thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Lường Thị T: Ông Phạm Ngọc K – Luật sư, Văn phòng luật sư Hùng Vương Đoàn luật sư tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Lường Thị Đ, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tổ dân phố L L, thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

2. Bà Lương Thị H, sinh năm 1965; Địa chỉ: Xóm T P, xã B T, huyện Đ T, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Mai Xuân H1, vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lâm Thị T1, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ dân phố L L, thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

2. Anh Lương Thế Đ1, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ dân phố L L, thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên.

- Ủy quyền cho bà Lâm Thị T1, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ dân phố L L, thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

3. Ông Lương Văn Đ2, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ dân phố L L, thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

4. Chị Lê Thị T3, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn H T, xã H Đ, thành phố L S, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

5. Cháu Lương Lê Minh A, sinh năm 2004.

6. Cháu Lương Lê Hạo N, sinh năm 2012.

Địa chỉ: Thôn H T, xã H Đ, thành phố L S, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện theo pháp luật của cháu A và cháu N: Bà Lê Thị T2 (là mẹ đẻ); Địa chỉ: Thôn H T, xã H Đ, thành phố L S, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

7. Ông Phạm Thế T3, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ dân phố T L, thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

8. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ dân phố T L, thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên.

Ủy quyền cho ông Phạm Thế T3, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ dân phố T L, thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

9. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967; Địa chỉ: Xóm T P, xã B T, huyện Đ T, Thái Nguyên.

Ủy quyền cho bà Lương Thị H, sinh năm 1965; Địa chỉ: Xóm T P, xã B T, huyện Đ T, Thái Nguyên, có mặt.

10. Công ty trách nhiệm hữu hạn T H; Địa chỉ: Số nhà 34, tổ 7, phường Q T, thành phố T N, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Văn H – Chức vụ: Phó giám đốc, vắng mặt.

11. Ủy ban nhân dân huyện V N, tỉnh Thái Nguyên; Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị S - Chủ tịch UBND; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Văn H1 – Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Lê Văn T5, sinh năm 1947, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố L L, thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2016 và các đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/12/2021 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lương Thị T trình bày:

Trong thời kỳ hôn nhân ông nội chị là Lương Thế T6 và bà nội là Lê Thị H sinh được 05 người con, gồm: Lương Văn P(bố chị), sinh năm 1960; Lương Thị Đ, sinh 1963; Lương Thị H, sinh năm 1965; ông Lương Thế H1 sinh năm 1976, anh Lương Thế T7 sinh năm 1978.

Ông nội chị mất ngày 27/3/1983 (không đi khai tử, đã có xác nhận của UBND xã Phú Thượng), bà nội chị mất ngày 13/11/2010, bố chị mất ngày 02/3/2013; chú chị là Lương Thế Hưng mất ngày 16/01/2015 và chú Lương Thế T7 mất năm 2002, chú Tuyên chết không có vợ con. Khi ông nội chị mất toàn bộ di sản do bà nội quản lý sử dụng. Di sản của ông bà nội chị để lại gồm: Diện tích đất 13.906m² đất trong đó có 400m² đất thổ cư còn lại là đất màu và đất lúa, tại xóm L L thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên; trên đất có 01 căn nhà gỗ 5 gian, 01 nhà bếp 3 gian xây dựng năm 1983. Nguồn gốc đất do ông bà chị để lại đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 2001 và 2002 mang tên Lê Thị H. Khi còn sống bà nội chị đã chia tách đất cho các người con của bà để sử dụng nhưng chưa làm thủ tục tách quyền sử dụng đất riêng cho các con, sau khi bà mất các con vẫn sử dụng ổn định phần đất của bà chia cho trước đây. Năm 2016 UBND huyện V N thu hồi đất để xây dựng khu dân cư số 1 thị trấn Đ C gia đình chị bị thu hồi 4 sào ruộng nằm trong phần đất bà nội chia cho trước đây, nhà nước lập phương án bồi thường chi trả tiền thì xảy ra tranh chấp trong gia đình với bà Đ, bà H và bà The về số tiền bồi thường. Do không tự giải quyết được nên chị khởi kiện ra Tòa án đề nghị chia di sản thừa kế cho chị em chị được hưởng chung di sản thừa kế theo pháp luật phần của bố chị được hưởng. Đồng thời tại đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 02/12/2020 chị Thời đề nghị Tòa án nhân dân huyện V N giải quyết lại vụ án chia di sản thừa kế chỉ chia di sản thừa kế của cụ H là 6,085,6m² đất các loại theo quy định của pháp luật. Riêng phần diện tích đất 6,085,6m² là phần di sản của cụ Lương Thế T6 không chia vì đã hết thời hiệu để chia thừa kế và đề nghị giao lại cho người đang trực tiếp quản lý di sản là chị Lương Thị T và anh Lương Thế Đ1 theo đúng quy định của pháp luật dân sự. Riêng thửa đất số 326 tờ bản đồ số 23, diện tích 100,4m² đất ở tại phố T L, thị trấn Đ C huyện V N, tỉnh Thái Nguyên cụ H đã bán năm 2007 cho ông Vượng lấy 198.000.000 đồng khoản tiền này cụ H đã cho ông Hương và bà The để mua đất tại thành phố L S. Chị đề nghị Tòa án tính trị giá thửa đất này vào kỷ phần của ông H1 được hưởng thừa kế.

Theo các bản khai tại Tòa án, bị đơn bà Lương Thị Đ bà Lương Thị H đều trình bày:

Bố mẹ các bà là cụ ông Lương Thế T6 và cụ bà Lê Thị H có 05 người con như chị Thời khai là đúng.

Cụ bà Lê Thị H chết có để lại di chúc cho các bà một phần tài sản có chứng thực tại UBND thị trấn Đ C. Số tài sản còn lại bà H chết không để lại di chúc, gia đình có tổ chức họp để chia tài sản ruộng đất xong biên bản chưa hoàn thiện,

nhưng phần đất bà H chia theo cuộc họp thực tế các con cháu đã quản lý sử dụng theo đúng ý kiến, nguyện vọng và định đoạt của bà H. Thừa đất được chia theo di chúc các bà đã trồng cây lâu năm trên đó, di sản do cụ Tài và cụ H để lại hai bà không có công sức đóng góp gì. Cây trên thừa đất này bà Đ và bà H xác định không liên quan gì đến chồng bà là ông Lương Văn Đ1 chồng bà Đ và ông Nguyễn Văn C chồng bà H. Nay bà đề nghị cụ thể như sau:

Không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với tài sản của cụ ông Lương Thế T6. Đối với di sản thừa kế do bố mẹ để lại đề nghị Tòa án chia theo quy định của pháp luật thừa kế và chia bằng hiện vật không nhận trích chia bằng tiền cụ thể:

- 01 nhà ngiến 5 gian 2 trái có diện tích 128,8m² để làm nhà thờ chung cho 4 đồng thừa kế, 4 đồng thừa kế quản lý sử dụng và đều có chìa khóa để mở cửa vào bất kỳ lúc nào. Ngôi nhà thờ và phần đất nhà thờ chỉ dùng vào thờ cúng không ai được sang nhượng, chuyển nhượng trao đổi hoặc dùng vào mục đích riêng khác. Căn nhà và phần đất thờ cúng giao cho cháu Đ2 quản lý trông nom và bảo quản; 01 nhà ngiến 3 gian đề nghị chia cho các con của chị T2 quản lý sử dụng.

- Phần đất thổ cư còn lại chia đều cho các đồng thừa kế, số đất màu 2617m² liền kề với đất thổ cư chia đều cho các đồng thừa kế (thửa đất số 19 tờ bản đồ số 16).

- 30% Tòa án đã chia công sức đóng góp cho bà Thiệu và cháu T1 cháu Đ2 tại bản án đã hủy các bà không nhất chí vì cháu T1 và cháu Đ2 còn nhỏ không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung của bố mẹ các bà. Đề nghị bà Thiệu kê khai đã đóng góp tôn tạo nhà cửa, chăm sóc, trồng trọt các loại cây trên diện tích đất tại thửa số 19 tờ bản đồ số 16 hết bao nhiêu các đồng thừa kế sẽ chi trả cho bà Thiệu.

- Đối với thừa đất bà H đã chia cho vợ chồng anh H1 chị T2 đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết vì bà H đã cho anh H1 chị T2 không còn nằm trong khối tài sản chung của bà H.

Còn những phần khác Tòa đã chia bà Đ, bà H nhất trí không đề nghị gì.

*Theo các bản khai tại Tòa án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị T2 đồng thời là người đại diện hợp pháp cho cháu Lương Lê Minh A và cháu Lương Lê Hạo N trình bày: Bố mẹ chồng bà là cụ ông Lương Thế T6 và cụ bà Lê Thị H có 05 người con như chị Thời khai là đúng. Cụ ông Lương Thế T6 và cụ Lê Thị H chết không để lại di chúc, gia đình có tổ chức họp để chia tài sản ruộng đất xong biên bản chưa hoàn thiện, nhưng phần đất bà H chia theo cuộc họp thực tế các con cháu đã quản lý sử dụng theo đúng ý kiến, nguyện vọng và định đoạt của bà H. Một phần tài sản đã được Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án Trường mầm non Liên Cơ, đường nội bộ và phần đất ông H1 bán cho ông Phạm Thế T3 bà không có ý kiến gì. Nếu phải chia thì chia phần đất bán cho ông Tùng bà xin giao cho mẹ con bà để bà tiếp tục thực hiện các thủ tục chuyển nhượng cho ông T. Bà và các con ở xa không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung này. Sau khi có dự án Khu dân cư số 1 của Thị trấn Đ C chị T con ông P cho rằng bà và bà Đ tranh chấp tiền bồi thường giải phóng mặt bằng nên làm đơn tranh chấp di sản của bà Lê Thị H để lại. Nay bà đề nghị Tòa án giải

quyết cụ thể như sau:

- Không áp dụng thời hiệu đối với di sản thừa kế do bố chồng bà để lại. Đề nghị Tòa án chia di sản của bố mẹ chồng tôi để lại theo quy định của pháp luật và chia bằng hiện vật không nhận trích chia bằng tiền cụ thể:

- 01 nhà nghiêng 5 gian 2 trái có diện tích $128,8m^2$ để làm nhà thờ chung cho 4 đồng thừa kế, 4 đồng thừa kế quản lý sử dụng và đều có chìa khóa để mở cửa vào bất kỳ lúc nào. Ngôi nhà và phần đất nhà thờ chỉ dùng vào thờ cúng không ai được sang nhượng, chuyển nhượng trao đổi hoặc dùng vào mục đích riêng khác và giao cho cháu Đ2 quản lý trông nom và bảo quản.

- 01 nhà nghiêng 3 gian đề nghị chia cho các con bà quản lý sử dụng.

- Phần đất thổ cư, đất màu $2617m^2$ liền kề với đất thổ cư chia đều cho các đồng thừa kế bằng hiện vật (thửa đất số 19 tờ bản đồ số 16).

- 30% tổng giá trị tài sản Tòa đã chia công sức đóng cho bà Lâm Thị T1, chị Lương Thị T, Lương Thế Đ1 tại bản án trước bà không nhất trí đề nghị Tòa án xem xét chia công sức đóng góp cho bà Thiệu 5% tổng giá trị tài sản đối với thửa đất số 19 tờ bản đồ số 16 bao gồm toàn bộ tài sản trên đất.

- Còn những phần khác Tòa đã chia tại bản án bị hủy bà nhất trí không đề nghị gì.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị T1 có lời khai phù hợp với lời khai của chị Lương Thị T. Bà xác định đến nay toàn bộ tài sản của cụ Tài và cụ H để lại đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất mang tên cụ H do ông Phương (khi còn sống) bà và các con là người trực tiếp quản lý, trông coi, tôn tạo và làm tăng giá trị tài sản trên đất.

Cụ bà Lê Thị H chết có để lại di chúc cho bà Lương Thị H và bà Lương Thị Đ một phần tài sản. Số tài sản còn lại bà H chết không để lại di chúc. Vợ chồng bà được cụ H chia cho thửa số 19 cùng toàn bộ nhà và tài sản trên đất; thửa số 45, 86, 89, 12 tờ bản đồ 23; Thửa số 35 tờ bản đồ số 10; thửa số 7 tờ bản đồ số 23, thửa số 199 và 217 tờ bản đồ số 17. Đối với các thửa đất sau khi ông Phương chết, bà và các con trực tiếp quản lý, sử dụng và đều có công sức đóng góp để duy trì đến ngày hôm nay. Phần tài sản trên đất và công sức đóng góp của bà, bà tự nguyện cho chị T, anh Đ2 không yêu cầu các con phải chia cho bà hay trả lại bà. Tài sản sau khi chết di sản của cụ T để lại cho mẹ chồng bà quản lý gồm có các tài sản sau: 01 nhà gỗ nghiêng 5 gian 2 trái lợp ngói, 01 nhà gỗ nghiêng 3 gian lợp ngói làm trên diện tích $400m^2$ đất thổ cư và toàn bộ đất đất nông nghiệp. Sau khi cụ Tài chết mẹ chồng bà là cụ Lê Thị H quản lý sử dụng và cụ H sống cùng vợ chồng bà (Chị T1 là vợ của anh Lương Văn P).

Quyền sử dụng đất gồm: Thửa đất số 19 tờ bản đồ số 16 diện tích $2617m^2$; thửa số 35 tờ bản đồ số 10 diện tích $664m^2$; thửa số 89 tờ bản đồ số 10 diện tích $1307m^2$; thửa số 92 tờ bản đồ 10 diện tích $992m^2$; thửa số 45 diện tích $657m^2$, thửa 86 diện tích $540m^2$, thửa 89 diện tích $272m^2$, thửa 12 diện tích $570m^2$, thửa số 7 diện tích $38m^2$, thửa số 375 diện tích $261m^2$, thửa số 199 diện tích $98,5m^2$, thửa số 422 diện tích $1330m^2$ thuộc tờ bản đồ 23; thửa số 217 diện tích $38,6m^2$ tờ bản đồ số 17; thửa 421 diện tích $1080m^2$ (di chúc cho bà Lương Thị Đ); thửa 396 diện tích $81m^2$, thửa 397 diện tích $381m^2$, thửa 420 diện tích $511m^2$ (di chúc cho

bà Lương Thị H).

Năm 2001-2002 khi làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ H hàng thừa kế thứ nhất của cụ T và cụ H là ông P bà Đ, bà H, ông H1, ông Tuyền bà có được biết các đồng thừa kế các đồng thừa kế không có thống nhất hay họp gia đình để chuyển toàn bộ di sản của cụ Tài cho cụ H.

Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

- Đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ chồng bà cho các con của bà theo ý chí và nguyện vọng của bà H tại biên bản họp gia đình ngày 29/8/2010 giao cho con trai P(chồng bà) toàn bộ diện tích đất ở khu bãi mố trong đó có 400m² đất thổ cư và tài sản trên đất do bà trông coi quản lý thuộc thửa đất số 19 tờ bản đồ số 16 thị trấn Đ C. Xem xét đối với thửa đất số 326 tờ bản đồ số 23 thị trấn Đ C bà H chuyển nhượng cho con trai là Lương Thế H1 và con dâu Lê Thị T2 đã bán và cho vợ chồng anh H1 và chị T2 198.000.000 đồng để khấu trừ tài sản anh H1 và chị T2 đã được cho và đề nghị Tòa án chia công sức đóng góp của những người trực tiếp quản lý, tôn tạo, làm tăng giá trị toàn bộ di sản thừa kế do cụ Tài và cụ H để lại.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Thế Đ1: Anh Đại có lời khai phù hợp với lời khai của chị Lương Thị T. Anh xác định đến nay toàn tài sản cụ H và cụ Tài để lại đã được cấp Giấy chứng nhận QSD đất mang tên cụ H. Anh đề nghị Tòa án chia tài sản của ông T6 và cụ H để lại theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C khai: Ông là chồng của bà Lương Thị H, là con rể cụ Tài và cụ H theo luật thừa kế đã có Giấy ủy quyền cho bà Lương Thị H thay mặt tham gia tố tụng, có nội dung: Ông xác định ông không phải là người thừa kế di sản của cụ Tài và cụ H theo luật thừa kế. Để tiện cho quá trình giải quyết vụ án ông ủy quyền cho vợ tôi là bà H được toàn quyền thay mặt ông tham gia tố tụng vụ án dân sự cho đến khi vụ án giải quyết xong. Ông không có yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn Đ1: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông Đài đã được triệu tập nhiều lần, không nhận giấy tờ do Tòa án giao. Ông cho rằng ông chỉ là con rể cụ H vì là con rể nên không có liên quan gì đến vụ án chia di sản thừa kế của bà Lê Thị H và ông không đề nghị gì.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thế T3 và là người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T4 trình bày:

Vợ chồng ông có mua của ông Lương Thế H1 (con cụ bà Lê Thị H) khoảng 01 sào ruộng, anh H1 đã chết năm 2014. Khi mua bán đất vẫn mang tên bà Lê Thị H, thời điểm mua bán bà H đã chết. Ông mua với giá 30.000.000 đồng hai bên đã thanh toán và giao đất cho nhau, việc mua bán chỉ viết giấy tờ viết tay với nhau. Sau khi mua ông chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định nên đến nay chưa được cấp Giấy chứng nhận QSD đất, vẫn mang tên bà H. Nay gia đình bà H có xảy ra tranh chấp di sản thừa kế, ông đề nghị Tòa án công nhận việc

chuyển nhượng đất và cho ông được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất này. Nếu Tòa án buộc phải chia phần đất này, ông đồng ý với các đồng thừa kế, giao thừa đất cho chị T2 (vợ anh H1) để chị T2 làm các thủ tục chuyển nhượng sang cho vợ chồng ông. Về công sức đóng góp và việc duy trì và phát triển thửa đất cũng như tài sản trên đất ông không đề nghị giải quyết, chỉ mong muốn vụ án sớm kết thúc và bà The làm đầy đủ thủ tục sang tên cho ông quản lý sử dụng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T H, đại diện ông Nông Văn H trình bày: Dự án khu dân cư số 1 thị trấn Đ C, huyện V N được UBND tỉnh Thái Nguyên chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 09/10/2015, UBND huyện đã phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 29/03/2016. Công ty TNHH T H đã phối hợp với địa phương là UBND huyện V N và Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện V N đã tiến hành thực hiện công tác bồi thường – giải phóng mặt bằng. Trong dự án các hộ dân đã nhận tiền, bàn giao đất, còn lại thửa số 86, 89, 45 với tổng diện tích 1.469m² đã được chủ sử dụng đất trực tiếp giao cho Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng để giao cho Chủ đầu tư thực hiện dự án, đến nay các thửa đất này đã được san lấp và xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị. Tuy nhiên, các thửa đất này mang tên bà Lê Thị H đã chết, nay chưa xác định được chủ thể hưởng thừa kế nên chưa trả tiền bồi thường được, do vậy dự án chưa có Quyết định thu hồi để hoàn thiện các thủ tục tiếp theo. Đến thời điểm hiện tại dự án khu dân cư số 1, thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên đang bước vào đoạn hoàn thành để đưa dự án vào vận hành sử dụng phục vụ các mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương và mục tiêu đầu tư của tỉnh Thái Nguyên đề ra.

Đại diện Công ty TNHH T H đề nghị Tòa án nhân dân huyện V N căn cứ vào các quy định của pháp luật sớm giải quyết những tồn tại để chủ đầu tư triển khai các bước tiếp theo.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện V N, Đại diện theo ủy quyền ông Triệu Văn H1 trình bày: UBND huyện là Chủ dự án Công viên cây xanh – Hồ sinh thái và chủ trì giải phóng mặt bằng để giao đất cho Công ty TNHH T H thực hiện dự án Khu dân cư số 1 thị trấn Đ C. Tại dự án khu dân cư số 1 có các thửa đất 45, 86 và 89 tờ Bản đồ địa chính số 23 thị trấn Đ C, tổng diện tích 1.469m². Tại dự án Công viên cây xanh – hồ sinh thái có Thửa đất số 199 tờ bản đồ địa chính số 17 thị trấn Đ C, diện tích 123,2m². Các thửa đất trên đang thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi đất để thực hiện các dự án. Lý do các thửa đất là của Lê Thị H chết để lại, hiện nay chưa xác định được người được hưởng di sản thừa kế.

Đối với dự án khu dân cư số 3 trước đây do Công ty TNHH đầu tư và phát triển đô thị V N làm chủ đầu tư tự thỏa thuận bồi thường, giải phóng mặt bằng. UBND huyện chỉ thực hiện chức năng quản lý nhà nước và thẩm định hồ sơ khi chủ đầu tư đã thực hiện xong việc bồi thường, giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên ngày 14/8/2020 UBND tỉnh Thái Nguyên có quyết định số 2518/QĐ-UBND v/v thu hồi Quyết định số 3500/QĐ-UBND ngày 09/11/2017 của UBND tỉnh Thái Nguyên về chủ trương đầu tư dự án chợ Trung tâm V N (chợ Đình Cã) và khu

dân cư số 3 thị trấn Đ C. Tại Điều 2 của Quyết định đã giao UBND huyện V N tiếp nhận, quản lý dự án theo quy định đồng thời có trách nhiệm thông báo cho nhân dân và các cơ quan, đơn vị có liên quan biết về nội dung chấm dứt hoạt động của dự án, chấm dứt hiệu lực pháp lý Quyết định chủ trương đầu tư dự án theo quy định. Hiện nay dự án đã thực hiện được một phần, nhiều hộ gia đình đã nhận tiền và bàn giao mặt bằng, trước đây Công ty TNHH đầu tư và phát triển đô thị V N đã thực hiện xây dựng một số hạng mục cơ sở hạ tầng. Trong dự án có 05 thửa đất số 420, 421, 422, 397, 375 tờ bản đồ số 23 có tổng diện tích 3.562,5m² mang tên bà Lê Thị H đã chết, tuy nhiên các thửa đất này tại thời điểm hiện tại không còn liên quan đến dự án nữa nên không có đề nghị gì. Nay xảy ra việc tranh chấp di sản thừa kế của bà H để lại, UBND huyện V N đề nghị Tòa án nhanh chóng giải quyết vụ án để dự án khu dân cư số 1 và dự án Công viên cây xanh – Hồ sinh thái được thực hiện đúng tiến độ và kế hoạch kinh tế - xã hội của huyện.

* Người làm chứng ông Lê Văn T5 trình bày: Ông có quan hệ với bà Lê Thị H là cô cháu, ông gọi bà H bằng cô. Ngày 29/8/2010 ông có được dự cuộc họp tại nhà bà H, tại cuộc họp hôm đó bà H vẫn còn minh mẫn. Trong cuộc họp có các thành phần tham gia gồm: Bà H, anh Phương (con trai bà H), chị T1 (con dâu cụ H), cháu T1, cháu Đ2 (cháu nội bà H), bà Đ, bà H (con gái bà H). Nội dung cuộc họp bà H chia đất cho các con, người ghi biên bản cuộc họp là chị Lương Thị T. Sau khi họp xong đã muộn nên ông Phương bỏ của chị T nói viết lại biên bản cho sạch xong mới ký. Sau khi viết xong biên bản chị H ký và có viết thêm vào phía dưới biên bản. Nay xảy ra tranh chấp tài sản của bà H không có ý kiến gì.

Với nội dung trên, tại bản án dân sơ thẩm số 08/2021/DSST ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện V N đã xét xử và quyết định:

Căn cứ Điều 26; 35; 39; 147; 157; 165; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244; 227; 228; 235 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 631, 632, 633, 635, 636, 645, 646, 649, 652, 667, 674, 675 và 676 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế ngày 30/8/1990; Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật của chị Lương Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp thừa kế với bà Lương Thị Đ, bà Lương Thị H.

2. Phần di sản chia theo pháp luật.

Xác định tổng giá trị di sản cụ Lương Thế T6 và cụ Lê Thị H để lại là 623.301.600 đồng, chia đều cho 04 đồng thừa kế. Ông Lương Thế Phương, bà Lương Thị Đ, bà Lương Thị H và ông Lương Thế H1 mỗi người hưởng một kỷ phần là 155.825.400 đồng. Do ông P và ông H1 chết sau người để lại di sản nên

chị Lương Thị T, anh Lương Thế Đ1 là con của ông Phương được hưởng kỷ phần của ông Phương. Bà Lê Thị T2 là vợ ông H1, cháu Lương Lê Minh A, cháu Lương Lê Hạo N được hưởng kỷ phần của anh H1. Cụ thể:

2.1 Giao cho chị Lương Thị T và anh Lương Thế Đ1 được hưởng di sản thừa kế phần ông Lương Thế P để ra còn sống được hưởng gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất số 19 tờ bản đồ số 16 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, VN, Thái Nguyên, diện tích 400 m² đất ở tại đô thị (ODT) có trị giá là: 140.000.000 đồng.

- Quyền sử dụng thửa đất số 19 tờ bản đồ số 16 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, VN, Thái Nguyên) diện tích 2617 m² đất màu có trị giá là: 151.786.000 đồng (Trên đất có tài sản của bà Thiệu và các con trị giá 18.855.000 đồng).

- 01 ngôi nhà 5 gian cột gỗ, mái lợp ngói đỏ diện tích 128,8m² có giá trị: 33.958.000 đồng.

- 01 nhà bếp 3 gian cột gỗ, mái lợp ngói đỏ diện tích 55m² có giá trị: 7.766.000 đồng

- 01 nhà tắm 4m² có trị giá 1.432.000 đồng

- Mái chuồng lợn diện tích mái 26,5m² (đã hỏng không còn giá trị sử dụng).

- Toàn bộ cây ăn quả theo biên bản thẩm định và Biên bản định giá tài sản ngày 26/3/2021 gồm: 04 cây mít, 6 cây mắc mật, 02 cây trứng gà, 02 cây cau, 03 cây hồng xiêm, 01 cây trám có giá trị là: 9.223.000 đồng

(Nhà, các công trình phụ và cây ăn quả nằm trên thửa đất số 19 tờ bản đồ số 16 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, VN, Thái Nguyên).

- Quyền sử dụng thửa đất số 45 tờ bản đồ số 23 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, VN, Thái Nguyên, diện tích 657m² có giá trị 40.734.000 đồng (Nhà nước thu hồi).

- Quyền sử dụng thửa đất số 89 tờ bản đồ số 23 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, VN, Thái Nguyên, diện tích 272m² có giá trị 16.864.000 đồng (Nhà nước thu hồi).

- Quyền sử dụng thửa đất số 35 tờ bản đồ số 10 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, VN, Thái Nguyên, diện tích 664m², có giá trị 34.132.000 đồng. (Trên đất có tài sản của bà Thiệu và các con trị giá 9.569.000 đồng).

- Quyền sử dụng thửa đất số 7 Tờ bản đồ số 23 có giá trị 2.128.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 438.023.000 đồng.

2.2 Giao cho bà Lương Thị Đ được hưởng thừa kế:

- Quyền sử dụng thửa đất số 12 tờ bản đồ số 23 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, VN, Thái Nguyên, diện tích 570m², có trị giá 31.900.000 đồng.

- Quyền sử dụng thửa đất số 199 tờ bản đồ số 17 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, VN, Thái Nguyên diện tích 282m², đã bị Nhà nước thu hồi 183,5m² còn lại 98,5m², có trị giá 6.107.000 đồng.

- Quyền sử dụng thửa đất số 92 tờ bản đồ số 10 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, VN, Thái Nguyên, diện tích $992m^2$ có trị giá 52.576.000 đồng. (Trên đất có tài sản của bà Đ trị giá 2.200.000 đồng).

Tổng giá trị quyền sử dụng đất là 90.583.000 đồng và 65.242.400 đồng giá trị chênh lệch tài sản do chị T và anh Đ2 trích chia. Tổng giá trị tài sản được hưởng là 155.825.400 đồng.

2.3 Giao cho bà Lương Thị H được hưởng thừa kế:

- Quyền sử dụng thửa đất số 86 tờ bản đồ số 23 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, VN, Thái Nguyên, diện tích $540m^2$ có trị giá 33.480.000 đồng (Nhà nước thu hồi).

- Quyền sử dụng thửa đất số 89 tờ bản đồ số 10 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, VN, Thái Nguyên, diện tích $1.307m^2$ có trị giá 69.271.000 đồng. (Trên đất có tài sản của bà H trị giá 5.313.500 đồng).

Tổng giá trị quyền sử dụng đất là 102.751.000 đồng và 53.074.400 đồng giá trị chênh lệch tài sản do chị Thời và anh Đại trích chia. Tổng giá trị tài sản được hưởng là 155.825.400 đồng.

2.4 Giao cho bà Lê Thị T2, cháu Lương Lê Minh A - Sinh năm 2004 và cháu Lương Lê Hạo N - Sinh năm 2012 (Đại diện theo pháp luật của cháu A và cháu N là bà Lê Thị T2- mẹ đẻ cháu A và cháu N) **được hưởng thừa kế phần ông Lường Thế H1 lẽ ra còn sống được hưởng gồm:**

- Quyền sử dụng thửa đất số 422 tờ bản đồ số 23 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, VN, Thái Nguyên, diện tích $1.307m^2$ có trị giá 74.480.000 đồng.

- Quyền sử dụng thửa đất số 375 tờ bản đồ số 23 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, VN, Thái Nguyên, diện tích $261m^2$ trị giá 14.616.000 đồng. (Đã chuyển nhượng cho ông Tùng bà Thu).

- Quyền sử dụng thửa đất số 217 tờ bản đồ số 17 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, VN, Thái Nguyên diện tích $460m^2$, đã bị Nhà nước thu hồi $421,4m^2$ còn lại $38,6m^2$ trị giá 2.392.000 đồng.

Tổng giá trị quyền sử dụng đất là 91.488.000 đồng và 64.337.400 đồng giá trị chênh lệch tài sản do chị Thời và anh Đại trích chia. Tổng giá trị tài sản được hưởng là 155.825.400 đồng. Phần giá trị tài sản của bà The, cháu A, cháu N mỗi người được hưởng là có giá trị là 51.941.800 đồng

(Các thửa đất trên cụ bà Lê Thị H đã được UBND huyện VN, tỉnh Thái Nguyên cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất số T725626 ngày 20/9/2001 và Giấy chứng nhận QSD đất cấp ngày 08/01/2002 mang tên bà Lê Thị H có sơ đồ đo vẽ kèm theo. Các đương sự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

3. Về trích chia công sức đóng góp, duy trì, trông coi bảo quản và làm tăng giá trị tài sản: Chị Lường Thị T và anh Lường Thế Đ1 được trích chia 82.495.800 đồng (phần của mỗi người là 41.247.900 đồng). Bà Lâm Thị T1 được

trích chia 27.498.600 đồng tương ứng với 15% trong tổng giá trị khối tài sản của cụ Tài và cụ H để lại.

4. Buộc người nhận phần di sản bằng hiện vật nhiều hơn phải trích chia giá trị cho người nhận phần di sản bằng hiện vật ít hơn. Cụ thể:

- Chị Lương Thị T và anh Lương Thế Đ1 trích chia cho: Bà Lương Thị Đ 65.242.400 đồng; Bà Lương Thị H 53.074.400 đồng; Bà Lê Thị T2, cháu Lương Lê Minh A và cháu Lương Lê Hạo N số tiền 64.337.400 đồng.

- Phần giá trị di sản chị Thời và anh Đại được hưởng sau khi trích chia còn lại là 155.825.400 đồng. Chị Thời và anh Đại mỗi người được hưởng giá trị tài sản là 77.912.700 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán số tiền trên thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong.

5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu sau của chị T:

Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V N giải quyết thừa đất số 326 tờ bản đồ số 23, diện tích 100,4m² đất ở tại phố T L, thị trấn Đ C huyện V N, tỉnh Thái Nguyên của cụ H để tính trị giá thừa đất này vào kỷ phần của ông Lương Thế Hưng được hưởng thừa kế do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

Các đương sự vẫn được quyền khởi kiện lại về việc chia thừa kế tài sản đối với phần tài sản chưa chia.

6. Về án phí và chi phí tố tụng:

6.1 Về án phí:

- Buộc bà Lương Thị Đ, bà Lương Thị H mỗi người phải chịu 7.791.270 đồng.

- Buộc bà Lê Thị T2, cháu Lương Lê Minh A, sinh năm 2004 mỗi người phải chịu 2.597.090 đồng (Đại diện theo pháp luật của cháu A là bà Lê Thị T2- mẹ đẻ cháu A có trách nhiệm nộp hộ).

- Buộc anh Lương Thế Đ1 phải chịu tổng 5.958.030 đồng (trong đó: 3.895.635 đồng án phí chia thừa kế tài sản; 2.062.395 đồng án phí chia công sức đóng góp tôn tạo tài sản).

- Buộc chị Lương Thị T phải chịu 5.958.030 đồng (trong đó: 3.895.635 đồng án phí chia thừa kế tài sản; 2.062.395 đồng án phí chia công sức đóng góp tôn tạo tài sản). Chị T đã nộp 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí được trừ vào số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí chị Thời đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V N theo biên lai số 0009215 ngày 07 tháng 6 năm 2017, còn phải nộp 958.030 đồng.

- Miễn án phí cho bà Lâm Thị T1 và cháu Lương Lê Hạo N.

6.2 Về chi phí tố tụng các đương sự phải chịu chi phí tố tụng, cụ thể:

- Buộc bà Lương Thị Đ, bà Lương Thị H mỗi người phải chịu 2.750.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

- Buộc bà Lê Thị T2, cháu Lương Lê Minh A - Sinh năm 2004 và cháu Lương Lê Hạo N - Sinh năm 2012 (Đại diện theo pháp luật của cháu A và cháu N là bà Lê Thị T2- mẹ đẻ cháu A và cháu N) phải chịu 2.750.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, cụ thể mỗi người phải chịu 916.666 đồng.

- Buộc anh Lương Thế Đ1 và chị Lương Thị T phải chịu 2.750.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, cụ thể mỗi người phải chịu 1.375.000 đồng.

Chị T đã nộp 11.000.000 tiền tạm ứng chi phí tố tụng và Tòa án đã chi hết. Số tiền còn lại thu của bà Đ, bà H, bà The, anh Đại, cháu A, cháu N (Đại diện cho cháu A, cháu N là bà Lê Thị T2) trả cho chị Thời thông qua người được ủy quyền bà Lâm Thị T1.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/11/2021, bà Lương Thị Đ, Lương Thị H, Lê Thị T2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị xem xét được chia thừa đất số 19 bằng hiện vật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lương Thị Đ, Lương Thị H, Lê Thị T2, chị Lương Thị T, bà Lâm Thị T1 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận như sau:

1. Giao cho chị Lương Thị T và anh Lương Thế Đ1 được hưởng di sản thừa kế phần ông Lương Thế Phương lẽ ra còn sống được hưởng gồm:

- Quyền sử dụng 1363 m² tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 16 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, V N, Thái Nguyên. Trong đó có 190 m² đất ở tại đô thị (ODT) và 1173 m² đất vườn, theo sơ đồ 2,3,4,5,17,18,19,20,2 (có sơ đồ kèm theo) và toàn bộ cây cối hoa màu trên 1363 m² tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 16 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, V N, Thái Nguyên và không phải trả giá trị cây cối hoa màu trên đất do bà Thiệu không yêu cầu. Đất có giá trị là:

134.534.000đ (một trăm ba bốn mươi triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng)

- 01 ngôi nhà 5 gian cột gỗ, mái lợp ngói đỏ diện tích 128,8m² có giá trị: 33.958.000 đồng.

- 01 nhà tắm 4m² có trị giá 1.432.000 đồng

- Mái chuồng lợn diện tích mái 26,5m² (đã hỏng không còn giá trị sử dụng).

- Quyền sử dụng thửa đất số 45 tờ bản đồ số 23 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 657m² có giá trị 40.734.000 đồng (Nhà nước thu hồi).

- Quyền sử dụng thửa đất số 89 tờ bản đồ số 23 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 272m² có giá trị 16.864.000 đồng (Nhà nước thu hồi).

- Quyền sử dụng thửa đất số 35 tờ bản đồ số 10 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 664m², có giá trị 34.132.000 đồng. (Trên đất có tài sản của bà Thiệu và các con trị giá 9.569.000 đồng).

- Quyền sử dụng thửa đất số 7 Tờ bản đồ số 23 có giá trị 2.128.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là: 263.782.000đ. Trong đó anh Đ2 được hưởng 131.891.000đ. Chị T được hưởng 131.891.000đ.

(Chị T, anh Đ2 sẽ tự thỏa thuận thống nhất về khối tài sản chung được chia)

2. Giao cho bà Lương Thị Đ được hưởng thừa kế:

- Quyền sử dụng 500 m² tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 16 Bản đồ địa chính thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên. Trong đó có 70 m² đất ở tại đô thị (ODT) và 430m² đất vườn. Theo sơ đồ 5,6,16,17,5 (có sơ đồ kèm theo) và cây cối hoa màu trên đất, có trách nhiệm trả cho bà L Thị T1 3.000.000đ (giá trị cây cối hoa màu trên đất). Đất có giá trị là: 49.440.000đ.

- Quyền sử dụng thửa đất số 12 tờ bản đồ số 23 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 570m², có trị giá 31.900.000 đồng.

- Quyền sử dụng thửa đất số 199 tờ bản đồ số 17 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên diện tích 282m², đã bị Nhà nước thu hồi 183,5m² còn lại 98,5m², có trị giá 6.107.000 đồng.

- Quyền sử dụng thửa đất số 92 tờ bản đồ số 10 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 992m² có trị giá 52.576.000 đồng. (Trên đất có tài sản của bà Đ trị giá 2.200.000 đồng).

Tổng giá trị tài sản bà Đ được hưởng là: 140.023.000đ.

3. Giao cho bà Lương Thị H được hưởng thừa kế:

- Quyền sử dụng 500 m² tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 16 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên. Trong đó có 70 m² đất ở tại đô thị (ODT) và 430 m² đất vườn. Theo sơ đồ 6, 7,8,9,10,11,12,13,14,15,16, 6 (có sơ đồ kèm theo) và cây cối hoa màu, bức tường xây trên đất, có trách nhiệm trả cho bà Lâm Thị T1 11.000.000đ (giá trị bức tường xây và cây trên đất). Đất có giá trị: 49.440.000đ.

- Quyền sử dụng thửa đất số 86 tờ bản đồ số 23 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, V N, Thái Nguyên, diện tích 540m² có trị giá 33.480.000 đồng (Nhà nước thu hồi).

- Quyền sử dụng thửa đất số 89 tờ bản đồ số 10 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, V N, Thái Nguyên, diện tích 1.307m² có trị giá 69.271.000 đồng. (Trên đất có tài sản của bà H trị giá 5.313.500 đồng).

Tổng giá trị tài sản bà H được hưởng là 152.191.000 đồng.

4. Giao cho bà Lê Thị T2, cháu Lương Lê Minh A - Sinh năm 2004 và cháu Lương Lê Hạo N - Sinh năm 2012 (Đại diện theo pháp luật của cháu A và cháu N là bà Lê Thị T2- mẹ đẻ cháu A và cháu N) được hưởng thừa kế phần ông Lương Thế H1 lẽ ra còn sống được hưởng gồm:

- Quyền sử dụng 500 m² tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 16 Bản đồ địa chính thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên. Trong đó có 70 m² đất ở tại đô thị (ODT) và 430 m² đất vườn. Theo sơ đồ 15,16,17,18,21,22,23,24,15 (có sơ đồ kèm theo). Và cây cối hoa màu trên đất, có trách nhiệm trả bà Lâm Thị T1 2.500.000đ (Giá trị cây cối hoa màu trên đất). Đất có giá trị là: 49.440.000đ.

- 01 nhà bếp 3 gian cột gỗ, mái lợp ngói đỏ diện tích 55m² có giá trị: 7.766.000 đồng

- Quyền sử dụng thửa đất số 422 tờ bản đồ số 23 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 1.307m² có giá trị 74.480.000 đồng.

- Quyền sử dụng thửa đất số 375 tờ bản đồ số 23 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 261m² giá trị 14.616.000 đồng. (Đã chuyển nhượng cho ông T bà T).

- Quyền sử dụng thửa đất số 217 tờ bản đồ số 17 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên diện tích 460m², đã bị Nhà nước thu hồi 421,4m² còn lại 38,6m² giá trị 2.392.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bà T2, cháu Minh A, cháu Hạo N được hưởng là 148.694.000đ. Phần giá trị tài sản của bà The, cháu A, cháu N mỗi người được hưởng là có giá trị là 49.565.000đ.

(Các thửa đất trên đã được UBND huyện V N, tỉnh Thái Nguyên cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất số T725626 ngày 20/9/2001 và Giấy chứng nhận QSD đất cấp ngày 08/01/2002 mang tên Lê Thị H)

5. Các đương sự có trách nhiệm đến UBND có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để được điều chỉnh, cấp chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Bà Lâm Thị T1 được hưởng số tiền các đồng thừa kế trả tiền cây cối, tài sản trên đất là 16.500.000đ. (Cụ thể: Bà Lương Thị H phải thanh toán cho bà Thiệu 11.000.000đ; bà Lương Thị Đ phải thanh toán cho bà T1 3.000.000đ; bà Lê Thị T2 phải thanh toán cho bà T1 2.500.000đ.)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán số tiền trên thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 BLDS đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong.

6. Về chi phí thẩm định tại cấp sơ thẩm các đương sự đề nghị giữ nguyên như quyết định tại bản án sơ thẩm.

7. Về chi phí thẩm định tại cấp phúc thẩm bà Đ đã nộp và chi phí xong, đề nghị tự thỏa thuận không yêu cầu HĐXX giải quyết.

8. Về án phí chia di sản: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn (bà Lương Thị T) trình bày: Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thoả thuận của các đương sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DSST ngày 17/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện V N, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo trong hạn luật định đã nộp dự phí kháng cáo là hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm

[1.2] Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lương Văn Đ1, ông Phạm Thế T3, bà Nguyễn Thị T4; UBND huyện V N vắng mặt (Ông T, bà T, UBND huyện V N có đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ khoản 2 Điều 227; Khoản 2 Điều 228 BLTTDS. HĐXX quyết định xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về diện và hàng thừa kế: Cụ H và cụ Hợi có 5 người con gồm: Lương Văn Phương, Lương Thị Đ, Lương Thị H, Lương Thế H1, Lương Thế T7.

Ông Lương Văn P chết năm 2013, ông P có vợ là bà Lâm Thị T1 (không có đăng ký kết hôn), ông Phương có các con chung với bà Thiệu là anh Lương Thế Đ1, chị Lương Thị T.

Ông Lương Thế H1 chết năm 2015, ông H1 có vợ bà Lê Thị T2, ông H1 và bà The có 02 con chung là cháu Lương Lê Hạo N và cháu Lương Lê Minh A.

Ông Lương Thế T7 chết năm 2002, ông Tuyền chết không có vợ, không có con.

Do vậy xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ H và cụ Hợi có 4 đồng thừa kế gồm: Bà Đ, bà H, vợ và con ông H1 (bà The, cháu Hạo N, cháu Minh A), con của ông P (chị T, anh Đ2).

[2.2] Về di sản thừa kế: cụ H3 và cụ H có tạo dựng được khối tài sản chung gồm:

1- Thừa đất số 19 tờ bản đồ địa chính số 16, diện tích 400 m² đất thổ cư và tài sản trên đất.

2- Thừa đất số 19 tờ bản đồ địa chính số 16, diện tích 2617 m² đất màu.

3- Thừa đất số 45 tờ bản đồ số 23, có tổng diện tích là 657 m² đất.

4- Thừa đất số 86 tờ bản đồ số 23, có tổng diện tích là 540 m² đất trồng lúa.

5- Thừa đất số 89 tờ bản đồ số 23, có tổng diện tích là 272 m² đất trồng lúa.

6- Thừa đất số 420 tờ bản đồ số 23, có tổng diện tích là 511 m² đất trồng lúa.

- 7- Thừa đất số 421 tờ bản đồ số 23, có tổng diện tích là 1080 m² đất trồng lúa.
- 8- Thừa đất số 422 tờ bản đồ số 23, có tổng diện tích là 1330 m² đất lúa.
- 9- Thừa đất số 396 tờ bản đồ số 23, có tổng diện tích là 81 m² đất lúa.
- 10- Thừa đất số 397 tờ bản đồ số 23, có tổng diện tích là 381 m² đất lúa.
- 11- Thừa đất số 12 tờ bản đồ số 23, có tổng diện tích là 570 m² đất lúa.
- 12- Thừa đất số 7 tờ bản đồ số 23, có tổng diện tích là 38m² đất lúa.
- 13- Thừa đất số 375 tờ bản đồ số 23, có tổng diện tích là 261 m² đất lúa.
- 14- Thừa đất số 199 tờ bản đồ số 17, có tổng diện tích là 282 m² đất lúa.
- 15- Thừa đất số 200 tờ bản đồ số 17, có tổng diện tích là 686 m² đất lúa.
- 16- Thừa đất số 217 tờ bản đồ số 17, có tổng diện tích là 460 m² đất lúa.
- 17- Thừa đất số 35 tờ bản đồ số 10, có tổng diện tích là 664 m² đất màu.
- 18- Thừa đất số 89 tờ bản đồ số 10, có tổng diện tích là 1307 m² đất màu.
- 19- Thừa đất số 92 tờ bản đồ số 10, có tổng diện tích là 992 m² đất màu.
- 20- Thừa 194, tờ bản đồ 17 diện tích 488m² đất ao (hồ);
- 21- Thừa 427, tờ bản đồ 23 diện tích 237m² đất lúa;
- 22- Thừa 379, tờ bản đồ 23 diện tích 452m² đất lúa;

[2.3] Tại phiên toà, các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị HĐXX công nhận sự thoả thuận của họ. Xét thấy việc các đương sự thoả thuận là tự nguyện, nội dung không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, việc thoả thuận của các đương sự phù hợp với đạo lý của người Việt Nam, nội dung thoả thuận không ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự vắng mặt, nên cần công nhận nội dung thoả thuận của các đương sự.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Lương Thị H, Lương Thị Đ , Lê Thị T2 không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 300; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Công nhận sự thoả thuận của bà H, bà The, bà Đ, bà Thiệu, chị Thời. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 17/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện V N, tỉnh Thái Nguyên.

Công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

1. Giao cho chị Lường Thị T và anh Lường Thế Đ1 được hưởng di sản thừa kế phần ông Lường Thế P lẽ ra còn sống được hưởng gồm:

- Quyền sử dụng 1363 m² tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 16 Bản đồ địa chính thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên. Trong đó có 190 m² đất ở tại đô thị (ODT) và 1173 m² đất vườn, theo sơ đồ 2,3,4,5,17,18,19,20,2 (có sơ đồ kèm theo) và toàn bộ cây cối hoa màu trên 1363 m² tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 16 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên và không phải trả giá trị cây cối hoa màu trên đất do bà Thiệu không yêu cầu. Đất có giá

trị là: 134.534.000đ (một trăm ba bốn mươi triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng)

- 01 ngôi nhà 5 gian cột gỗ, mái lợp ngói đỏ diện tích 128,8m² có giá trị: 33.958.000 đồng.

- 01 nhà tắm 4m² có trị giá 1.432.000 đồng

- Mái chuồng lợn diện tích mái 26,5m² (đã hỏng không còn giá trị sử dụng).

- Quyền sử dụng thửa đất số 45 tờ bản đồ số 23 Bản đồ địa chính thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 657m² có giá trị 40.734.000 đồng (Nhà nước thu hồi).

- Quyền sử dụng thửa đất số 89 tờ bản đồ số 23 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, V N, Thái Nguyên, diện tích 272m² có giá trị 16.864.000 đồng (Nhà nước thu hồi).

- Quyền sử dụng thửa đất số 35 tờ bản đồ số 10 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 664m², có giá trị 34.132.000 đồng. (Trên đất có tài sản của bà Thiệu và các con trị giá 9.569.000 đồng).

- Quyền sử dụng thửa đất số 7 Tờ bản đồ số 23 có giá trị 2.128.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là: 263.782.000đ. Trong đó anh Đ2 được hưởng 131.891.000đ. Chị T được hưởng 131.891.000đ.

(Chị T, anh Đ2 sẽ tự thỏa thuận thống nhất về khối tài sản chung được chia)

2. Giao cho bà Lương Thị Đ được hưởng thừa kế:

- Quyền sử dụng 500 m² tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 16 Bản đồ địa chính thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên. Trong đó có 70 m² đất ở tại đô thị (ODT) và 430m² đất vườn. Theo sơ đồ 5,6,16,17,5 (có sơ đồ kèm theo) và cây cối hoa màu trên đất, có trách nhiệm trả cho bà Lâm Thị T1 3.000.000đ (giá trị cây cối hoa màu trên đất). Đất có giá trị là: 49.440.000đ.

- Quyền sử dụng thửa đất số 12 tờ bản đồ số 23 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 570m², có trị giá 31.900.000 đồng.

- Quyền sử dụng thửa đất số 199 tờ bản đồ số 17 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên diện tích 282m², đã bị Nhà nước thu hồi 183,5m² còn lại 98,5m², có trị giá 6.107.000 đồng.

- Quyền sử dụng thửa đất số 92 tờ bản đồ số 10 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 992m² có trị giá 52.576.000 đồng. (Trên đất có tài sản của bà Đ trị giá 2.200.000 đồng).

Tổng giá trị tài sản bà Đ được hưởng là: 140.023.000đ.

3. Giao cho bà Lương Thị H được hưởng thừa kế:

- Quyền sử dụng 500 m² tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 16 Bản đồ địa chính thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên. Trong đó có 70m² đất ở tại đô thị (ODT) và 430 m² đất vườn. Theo sơ đồ 6, 7,8,9,10,11,12,13,14,15,16, 6 (có sơ đồ kèm theo) và cây cối hoa màu, bức tường xây trên đất , có trách nhiệm trả cho bà Lâm Thị T1 11.000.000đ (giá trị bức tường xây và cây trên đất). Đất có giá trị: 49.440.000đ

- Quyền sử dụng thửa đất số 86 tờ bản đồ số 23 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 540m² có trị giá 33.480.000 đồng (Nhà nước thu hồi).

- Quyền sử dụng thửa đất số 89 tờ bản đồ số 10 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên, diện tích 1.307m² có trị giá 69.271.000 đồng. (Trên đất có tài sản của bà H trị giá 5.313.500 đồng).

Tổng giá trị tài sản bà H được hưởng là 152.191.000 đồng.

4. Giao cho bà Lê Thị T2, cháu Lương Lê Minh A - Sinh năm 2004 và cháu Lương Lê Hạo N - Sinh năm 2012 (Đại diện theo pháp luật của cháu A và cháu N là bà Lê Thị T2- mẹ đẻ cháu A và cháu N) được hưởng thừa kế phần ông Lương Thế Hưng lẽ ra còn sống được hưởng gồm:

- Quyền sử dụng 500 m² tại thửa đất số 19 tờ bản đồ số 16 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên. Trong đó có 70 m² đất ở tại đô thị (ODT) và 430 m² đất vườn. Theo sơ đồ 15,16,17,18,21,22,23,24,15 (có sơ đồ kèm theo). Và cây cối hoa màu trên đất, có trách nhiệm trả bà Lâm Thị T1 2.500.000đ (Giá trị cây cối hoa màu trên đất). Đất có giá trị là: 49.440.000đ.

- 01 nhà bếp 3 gian cột gỗ, mái lợp ngói đỏ diện tích 55m² có giá trị: 7.766.000 đồng

- Quyền sử dụng thửa đất số 422 tờ bản đồ số 23 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, V N, Thái Nguyên, diện tích 1.307m² có trị giá 74.480.000 đồng.

- Quyền sử dụng thửa đất số 375 tờ bản đồ số 23 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, V N, Thái Nguyên, diện tích 261m² trị giá 14.616.000 đồng. (Đã chuyển nhượng cho ông Tùng bà Thu).

- Quyền sử dụng thửa đất số 217 tờ bản đồ số 17 Bản đồ địa chính Thị trấn Đ C, V N, Thái Nguyên diện tích 460m², đã bị Nhà nước thu hồi 421,4m² còn lại 38,6m² trị giá 2.392.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bà T2, cháu Minh A, cháu Hạo N được hưởng là 148.694.000đ. Phần giá trị tài sản của bà T2, cháu A, cháu N mỗi người được hưởng là có giá trị là 49.565.000đ.

(Bà T2, cháu Minh A, cháu Hạo N sẽ tự thỏa thuận thống nhất về khối tài sản chung được chia)

(Các thửa đất trên đã được UBND huyện V N, tỉnh Thái Nguyên cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất số T725626 ngày 20/9/2001 và Giấy chứng nhận QSD đất cấp ngày 08/01/2002 mang tên Lê Thị H) .

5. Các đương sự có trách nhiệm đến UBND có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để được điều chỉnh, cấp chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Bà Lâm Thị T1 được hưởng số tiền các đồng thừa kế trả tiền cây cối, tài sản trên đất là 16.500.000đ. Cụ thể: Bà Lương Thị H phải thanh toán cho bà T1

11.000.000đ; bà Lương Thị Đ phải thanh toán cho bà T1 3.000.000đ; bà Lê Thị T2 phải thanh toán cho bà Thiệu 2.500.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán số tiền trên thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong.

7. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu sau của chị T:

Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V N giải quyết thừa đất số 326 tờ bản đồ số 23, diện tích 100,4m² đất ở tại phố T L, thị trấn Đ C, huyện V N, tỉnh Thái Nguyên của cụ H để tính trị giá thừa đất này vào kỷ phần của ông Lường Thế H1 được hưởng thừa kế do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

Các đương sự vẫn được quyền khởi kiện lại về việc chia thừa kế tài sản đối với phần tài sản chưa chia.

8. Về án phí chia di sản thừa kế: Các đồng thời kế của cụ Tài và cụ H phải nộp án phí chia di sản thừa kế vào ngân sách Nhà nước. Cụ Thể như sau:

- Bà Lương Thị Đ phải nộp 7.001.150đ
- Bà Lương Thị H phải nộp 7.609.550đ.
- Bà Lê Thị T2, cháu Lương Lê Minh A, sinh năm 2004 mỗi người phải nộp 2.478.250 đồng (Đại diện theo pháp luật của cháu A là bà Lê Thị T2- mẹ đẻ cháu A có trách nhiệm nộp hộ).
- Anh Lường Thế Đ1 phải nộp 6.594.550đ
- Chị Lường Thị T phải nộp 6.594.550đ (được trừ vào số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V N theo biên lai số 0009215 ngày 07 tháng 6 năm 2017). Chị T còn phải nộp 1.594.550đ.
- Miễn án phí cho bà Lâm Thị T1 và cháu Lương Lê Hạo N.

9. Về chi phí tố tụng các đương sự phải chịu chi phí tố tụng, cụ thể:

* Chi phí tại cấp sơ thẩm: Chị T đã nộp 11.000.000 tiền tạm ứng chi phí tố tụng và Tòa án đã chi hết.

- Buộc bà Lương Thị Đ , bà Lương Thị H mỗi người phải chịu 2.750.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản trả cho chị Thời.

- Buộc bà Lê Thị T2, cháu Lương Lê Minh A - Sinh năm 2004 và cháu Lương Lê Hạo N - Sinh năm 2012 (Đại diện theo pháp luật của cháu A và cháu N là bà Lê Thị T2- mẹ đẻ cháu A và cháu N) phải chịu 2.750.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, cụ thể mỗi người phải chịu 916.666 đồng trả cho chị Thời.

- Buộc anh Lường Thế Đ1 phải chịu 1.375.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản trả cho chị Thời.

*Về chi phí tại cấp phúc thẩm: Bà Lương Thị Đ đã nộp chi phí thẩm định tài sản và không đề nghị HĐXX giải quyết.

10. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lương Thị Đ , Lường Thị H, Lê Thị T2 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn trả bà Đ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0004855 ngày 06/12/2021 tại Chi cục Thi hành dân sự huyện V N, tỉnh Thái Nguyên.

Hoàn trả bà The 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0004856 ngày 6/12/2021 tại Chi cục Thi hành dân sự huyện V N, tỉnh Thái Nguyên.

Hoàn trả bà H 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0004857 ngày 6/12/2021 tại Chi cục Thi hành dân sự huyện V N, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS huyện V N;
- TAND huyện V N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Lý

